

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-5-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

Tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Mai Thương

2. Ông Lưu Trọng Kim

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2023; về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị Bích T**, sinh năm 2000; nơi cư trú: **Số nhà A, đường C, tổ A, khu phố G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

- *Bị đơn:* Anh **Lê Chí C**, sinh năm 1996; nơi cư trú: **Số nhà C, đường C, tổ A, khu phố I, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

*Tại phiên tòa có mặt các đương sự.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Chị **Ngô Thị Bích T**, anh **Lê Chí C** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2020, tại **UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**. Sau khi kết hôn do dịch bệnh Covid-19 nên đến nay chị **T**, anh **C** vẫn chưa tổ chức đám cưới. Tuy nhiên, thời gian qua chị **T**, anh **C** xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh **C** ghen tuông, nghi ngờ chị **T** có quan hệ bất chính với người khác, nhiều lần đe dọa làm ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc của chị **T**. Mặc dù chị **T** đã nhiều lần khuyên bảo, giải thích nhưng anh **C** vẫn không thay đổi. Cách đây khoảng 01 tháng chị **T** bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Hiện nay chị **T** không còn tình cảm với anh **C** nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Chị **T**, anh **C** có 01 người con chung là **Lê Ngô Nhã U**, sinh ngày 09/12/2020. Khi ly hôn chị **T** có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh **C** phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Chị **T** không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

*Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn trình bày:*

Anh **Lê Chí C**, chị **Ngô Thị Bích T** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2020, tại **UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**. Tuy nhiên, do dịch bệnh Covid-19 nên chưa tổ chức đám cưới. Trong quá trình chung sống thì anh **C** có ghen tuông, nghi ngờ chị **T** có quan hệ với người khác. Tuy nhiên, hiện nay anh **C** vẫn còn tình cảm với chị **T**, nên đề nghị Tòa án tạo điều kiện hòa giải để đoàn tụ. Nên anh **C** không đồng ý ly hôn; Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh **C** có nguyện vọng nuôi con **Lê Ngô Nhã U**, sinh ngày 09/12/2020, không yêu cầu chị **T** phải cấp dưỡng tiền nuôi con; Anh **C** không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Bị đơn anh **Lê Chí C** có nơi cư trú tại **huyện Đ** nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị **Ngô Thị Bích T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng tiền nuôi con nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng*” được quy định tại khoản 1, 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh không tham gia phiên tòa.

[4] Chị Ngô Thị Bích Trâm, anh **Lê Chí C** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 04/8/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn **D**, huyện **D** đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị **T**, anh **C** chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **C** ghen tuông nghi ngờ chị **T** có quan hệ bất chính với người khác, nên thỉnh thoảng vợ chồng xảy ra cãi vã. Mặc dù cả hai đã tự đồng viên, an ủi nhau thay đổi để chung sống hạnh phúc, nhưng không có kết quả. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị **T** không còn tình cảm với anh **C** nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa anh **C** thừa nhận cuộc sống vợ chồng thời gian qua có nảy sinh mâu thuẫn và hiện nay anh anh **C**, chị **T** không còn sống chung với nhau. Mặc dù anh **C** cho rằng hiện nay vẫn còn tình cảm với chị **T** nên mong muốn có thể thời gian để hàn gắn. Thế nhưng, anh **C** cũng thừa nhận kể từ khi chị **T** bỏ về cha mẹ ruột thì anh có đến khuyên bảo, động viên chị **T** quay về nhưng chị **T** không đồng ý. Đồng thời kể từ sau ngày Tòa án hòa giải cho đến nay chị **T**, anh **C** vẫn không về chung sống lại với nhau. Tại phiên tòa chị **T** vẫn cương quyết ly hôn và không mong muốn tiếp tục chung sống với anh **C**. Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị **T** và anh **C** đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn.

Từ đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử cho chị **T** được ly hôn với anh **C** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Tại phiên tòa cả chị **T**, anh **C** đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung **Lê Ngô Nhã U**, sinh ngày 09/12/2020. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con

cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cháu **U** là nữ, hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, đang trong độ tuổi phát triển, đồng thời kể từ khi ly thân cho đến nay cháu **U** do chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Nhằm giúp cháu phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cũng như về mặt tâm, sinh lý nên cần thiết giao cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp

Anh **C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh **C** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **T** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **C**.

[6] Quá trình làm việc và tại phiên tòa chị **T** có yêu cầu anh **C** phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng. Nhận thấy yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị **T** là có căn cứ bởi lẽ chị **T** là người trực tiếp nuôi con, nên anh **C** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, ngoài ra mức cấp dưỡng 2000.000 đồng/tháng mà chị **T** đưa ra là phù hợp với mức sống tại địa phương, cũng như nhu cầu hiện tại của con. Do đó, cần buộc anh **C** phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng như yêu cầu của chị **T** là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt trong trường hợp quy định tại Điều 118 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị **T** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

[7] Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Chị **T** phải chịu án phí ly hôn, anh **C** phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

[9] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

Khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; các Điều 82, 83, 84; khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 2 Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Ngô Thị Bích T.**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Ngô Thị Bích T** được ly hôn với anh **Lê Chí C.**

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày ngày 04/8/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Giao cho chị **Ngô Thị Bích T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung **Lê Ngô Nhã U**, sinh ngày 09/12/2020.

Anh **Lê Chí C** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản. Trường hợp anh **C** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **T** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **C.**

3. *Về cấp dưỡng:* Anh **Lê Chí C** phải cấp dưỡng tiền nuôi con **Lê Ngô Nhã U**, sinh ngày 09/12/2020 cho chị **Ngô Thị Bích T** mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Chị **T** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi phát sinh trường hợp

chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

4. Về án phí: Chị **Ngô Thị Bích T** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014968, ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị **T** đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh **Lê Chí C** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đức Linh;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- UBND TT Đức Tài;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Đình Trường**